TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Hoài T, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Bá T1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hoài T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Bá T1 tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng vào ngày 17/7/2015. Anh chị chung sống hòa Tận với nhau được 07 năm đầu thì phát sinh mâu Tẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần do anh T1 ham chơi, nợ nần Nều, chị T và gia đình đã khuyên giải Nều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Từ những nguyên nhân này dẫn tới anh chị thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu Tẫn đã được hai bên gia đình đã hòa giải Nều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay và không còn quan tâm tới nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị T yêu cầu được ly hôn anh T1. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2016 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2018. Khi ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị T tự thoả Tận với anh T1, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, yêu cầu anh T1 giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh T1 đến làm việc nhưng anh T1 không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh T1 và chị T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hưng theo quy định pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu Tẫn do anh T1 ham chơi cờ bạc, nợ nần nhiều, kinh tế không ổn định, vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Cuối năm 2023, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay , không quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung như chị T khai; kể từ khi anh chị sống ly thân, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, T thập chứng cứ, thông báo về việc T thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không giao nộp bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Vũ Thị Hoài T được ly hôn anh Nguyễn Bá T1; giao con Nguyễn Phương T2, sinh ngày 05/6/2016 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 09/6/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hoài T thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Nguyễn Bá T1 là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn Thanh Lan, xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh T1) đã được Tòa án triệu tập Nều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh T1; tạo điều kiện cho anh T1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh T1 không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án T thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị T) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T1.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Hoài T và anh Nguyễn Bá T1 được xác lập từ ngày 17 tháng 7 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 07 năm đầu thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh T1 ham chơi, nợ nần Nều, không quan tâm tới gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu Tẫn căng thẳng, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2016 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2018. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, các con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Cháu Thảo hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, mặc dù anh chị đều có nơi ở ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc con chung, nhưng anh T1 hiện làm nghề lao động tự do, công việc và T nhập không ổn định, nợ nần Nều; chị T hiện làm công nhân, công việc và T nhập ổn định. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó để ổn định tâm sinh lý và điều kiện về mọi mặt của các con, phù hợp với nguyện vọng của con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con Nguyễn Phương T2 và Nguyễn Yến N cho chị T tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hoài T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hoài T được ly hôn anh Nguyễn Bá T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương T2, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2016 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2018 cho chị Vũ Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả Tận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Hoài T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai T số 0008921 ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 17/2015);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang